

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2021/KDTM-ST

Ngày: 21/12/2021

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Ông Đoàn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2021/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ P

Trụ sở: 623 – 625 Hồng Bàng, Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Hữu Đ, sinh năm 1998, địa chỉ: 52/10 Đường M, phường T, Quận N, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số 05/2020/GUQ/BTP ngày 17/8/2020) (có mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần A

Trụ sở: 30 Đường N, Phường M1, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1988, địa chỉ: 777/10 khu phố 1, Tỉnh lộ C, phường T1, quận B1, Thành phố H là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2020 của nguyên đơn Công ty TNHH TM DV P, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Võ Hữu Đ trình bày: Công ty TNHH TM DV P (sau đây gọi tắt Công ty P) có ký kết với Công ty Cổ phần A (sau đây gọi tắt Công ty A) hợp đồng kinh tế số 01/2019/BTA-BTP/HĐKT ngày 31/5/2019. Theo nội dung hợp đồng, Công ty P cung cấp cho Công ty A 59.000 chiếc chảo chống dính với đơn giá là 46.100 đồng/chiếc, tổng giá trị đơn hàng là 2.719.900.000 đồng. Giá mua bán nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Thực hiện hợp đồng, hai bên thỏa thuận mua bán với nhau 48.000 chiếc chảo chống dính, đơn giá là 46.100 đồng/chiếc với tổng giá trị đơn hàng là 2.211.800.000 đồng, tổng giá trị đơn hàng sau thuế là 2.258.820.000 đồng. Công ty P đã giao đầy đủ số lượng là 48.000 chiếc chảo chống dính, giao hàng thành 2 đợt vào ngày 12 và 15/6/2019 cho công ty A. Ngày 27/8/2019, Công ty A có thanh toán cho công ty P số tiền là 200.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 2.058.820.000 đồng. Ngày 20/5/2020, công ty P và công ty A lập biên bản xác nhận công nợ với nội dung: Công ty P đồng ý giảm cho công ty A số tiền 91.000.000 đồng, xác nhận Công ty A còn nợ công ty P số tiền 1.967.820.000 đồng. Nếu sau ngày 15/6/2020, công ty A không thanh toán nợ thì sẽ phải chịu mức lãi suất là 0,5%/ngày trên số tiền còn nợ. Kể từ thời điểm xác nhận công nợ cho đến nay, mặc dù Công ty P đã nhiều lần yêu cầu Công ty A thanh toán nhưng Công ty A không thực hiện đúng cam kết. Trước đây tại đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2020, Công ty P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty A trả số tiền nợ gốc là 1.967.820.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 15/6/2020 cho đến khi thanh toán xong với mức lãi suất là 0,5%/ngày. Trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn thay đổi yêu cầu như sau: sau khi trừ đi số tiền hóa đơn GTGT 12/6 số tiền là 9.220.000 đồng và số tiền hóa đơn GTGT 15/6 số tiền là 36.800.000 đồng đã ghi trong biên bản xác nhận công nợ ngày 20/5/2020, Nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty A trả số tiền nợ gốc là 1.921.800.000 đồng và thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày 16/6/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ với mức lãi suất là 11%/năm, tạm tính từ ngày 16/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21/12/2021 với số tiền là 320.282.449 đồng. Tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 2.242.082.449 đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Công ty A vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến mặc dù đã được Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ còn thiếu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty P và Công ty A có ký kết hợp đồng kinh tế số 01/2019/BTA-BTP/HĐKT ngày 31/5/2019 về việc cung cấp chảo chống dính, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét bị đơn có trụ sở tại địa chỉ: 30 Đường N, Phường M1, quận B, Thành phố H nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn Công ty P có người đại diện theo ủy quyền là ông Võ Hữu Đ có mặt; Bị đơn Công ty A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong vụ án này Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh trụ sở đăng ký hoạt động của bị đơn tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và xác minh địa chỉ nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Hợp đồng kinh tế số 01/2019/BTA-BTP/HĐKT ngày 31/5/2019 thể hiện tại thời điểm giao kết chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, hợp đồng đều do người đại diện theo pháp luật ký kết. Hình thức của hợp đồng được lập bằng văn bản, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của các bên nên xác định hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại biên bản xác nhận công nợ ngày 20/5/2020, các bên thỏa thuận trường hợp có tranh chấp sẽ đưa ra Tòa Kinh tế để giải quyết. Như đã nhận định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp ở trên, xét thỏa thuận lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp này bị vô hiệu, nhưng phần vô hiệu này không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của những phần còn lại của biên bản xác nhận công nợ.

[3.2] Về yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 1.921.800.000 đồng: Căn cứ vào lời khai cũng như các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, thể hiện hai bên có ký hợp đồng mua bán với nhau 59.000 chiếc chảo chống dính với đơn giá là 46.100 đồng/chiếc, tổng giá trị đơn hàng là 2.719.900.000 đồng. Trong quá trình thực hiện, hai bên thỏa thuận chỉ mua bán với nhau 48.000 chiếc chảo chống dính, đơn giá là 46.100 đồng/chiếc với tổng giá trị đơn hàng là 2.121.800.000 đồng, tổng giá trị đơn hàng sau thuế là 2.258.820.000 đồng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận là giao đầy đủ số lượng hàng hóa là 48.000 chiếc chảo chống dính tuy nhiên chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số hàng hóa này. Tại biên bản xác nhận công nợ - yêu cầu thanh toán ngày 20/5/2020 hai bên thống nhất chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.967.820.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đồng ý trừ lại số tiền hóa đơn giá trị gia tăng 12/6 là 9.220.000 đồng và số tiền hóa đơn GTGT 15/6 là 36.800.000 đồng đã ghi trong biên bản xác nhận công nợ ngày 20/5/2020, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 1.921.800.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn xuất trình biên bản xác nhận công nợ - yêu cầu thanh toán ngày 20/5/2020 có xác nhận của bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 1.967.820.000 đồng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh đã thanh toán khoản nợ gốc còn lại cho nguyên đơn. Căn cứ quy định tại Điều 50; Điều 55 của Luật Thương mại và Điều 440 Bộ luật Dân sự, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 16/6/2020 đến ngày Tòa án xét xử là ngày 21/12/2021 theo mức lãi suất 11%/năm với số tiền là 320.282.449 đồng. Hội đồng xét xử nhận định: Tại Hợp đồng kinh tế số 01/2019/BTA-BTP/HĐKT

ngày 31/5/2019, hai bên không có thỏa thuận lãi chậm thanh toán tuy nhiên tại biên bản xác nhận công nợ - yêu cầu thanh toán ngày 20/5/2020, hai bên có thỏa thuận nếu sau ngày 15/6/2020, Công ty A chưa thanh toán thì phải trả lãi suất 0,5%/ngày trên tổng số nợ. Kể từ thời điểm xác nhận công nợ đến nay, bị đơn không thực hiện thanh toán nợ cho nguyên đơn.

Theo bảng cập nhật lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam ngày 05/11/2021 thì mức lãi suất là 11,10%/năm; Ngân hàng TMCP Đông Á ngày 30/11/2021 là 10,2%/năm; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam ngày 30/11/2021 là 8,5%/năm. Như vậy, lãi suất bình quân của 03 hàng nêu trên là 9,93%/năm, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là 14,9%/năm. Căn cứ theo Điều 306 của Luật thương mại, Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xét mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên, hội đồng xét xử căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 2.242.082.449 đồng, trong đó nợ gốc là 1.921.800.000 đồng, lãi chậm trả là 320.282.449 đồng.

[3.4] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Xét bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 401, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 6, 7, 7a, 7b, 9, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty Cổ phần A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ P số tiền 2.242.082.449 đồng (Hai tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu không trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm bốn mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 1.921.800.000 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi một triệu tám trăm ngàn đồng), lãi chậm trả là 320.282.449 đồng (Ba trăm hai mươi triệu hai trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm bốn mươi chín đồng), thanh toán một lần số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 76.841.649 (Bảy mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi một ngàn sáu trăm bốn mươi chín) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ P số tiền 39.613.840 (Ba mươi chín triệu sáu trăm mười ba ngàn tám trăm bốn mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0068273 ngày 08/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tô Trần Ái Vy